TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 6 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mỹ Trinh
Bà Huỳnh Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2021/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Yến N, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Ấp TB1, xã TTB, huyện MCB, tỉnh BT.

Tạm trú: ABC, Japan.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (nộp các tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án): Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Số ABD/D đường TVK, ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Ông Tôn Kim L, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp X xã SP, huyện GT, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (nộp các tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án): Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1999

Địa chỉ: HA ấp KT, xã KTT, huyện MCB, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu giải quyết ly hôn đề ngày 29/01/2021, bản tự khai ngày 29/01/2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/01/2021, nguyên đơn bà Đặng Thị Yến N trình bày:

Năm 2014, bà và ông Tôn Kim L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTB, huyện MCB, tỉnh BT theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 79/2014, quyển số: 01/2014 ngày 11/8/2014. Trong cuộc sống hôn nhân, bà và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi. Bà đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại. Hiện tại, bà và ông L đã sống ly thân. Bà nhận thấy sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng gay gắt, cuộc sống vợ chồng của bà và ông L ngày càng bất hòa, mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích và kết quả hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Tôn Kim L.

Về con chung: Bà và ông L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid – 19 trên toàn thế giới, bà gặp nhiều khó khăn, trở ngại về điều kiện, thủ tục trở về Việt Nam nên bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án cũng như vắng mặt trong tất cả phiên tòa của Tòa án các cấp.

Theo bản tự khai ngày 20/5/2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/5/2021, bị đơn ông Tôn Kim L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đặng Thị Yến N về hoàn cảnh tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung và những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống với bà N. Ông đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại. Hiện tại, ông và bà N đã sống ly thân. Ông nhận thấy sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống giữa ông và bà N ngày càng gay gắt, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích và kết quả hôn nhân không đạt được.

Về hôn nhân: Ông biết bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước tình hình diễn biến phúc tạp của đại dịch Covid – 19 trên toàn thế giới, ông gặp nhiều khó khăn, trở ngại về điều kiện, thủ tục trở về Việt Nam. Hiện ông không thể sắp xếp về Việt Nam để kịp trực tiếp tham gia giải quyết ly hôn được. Ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án cũng như vắng mặt trong tất cả phiên tòa của Tòa án các cấp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L là ly hôn, nguyên đơn nà Đặng Thị Yến N đang ở Nhật Bản, bị đơn ông Tôn Kim L hiện đang ở Hàn Quốc nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 79/2014, quyển số: 01/2014 ngày 11/8/2014nên hôn nhân giữa bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Thấy rằng, bà N và ông L cùng trình bày trong thời gian sống chung ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Bà N và ông L đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại. Hiện nay, bà N và ông L sống ly thân, mỗi người sống ở một quốc gia. Bà N và ông L nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích và kết quả hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên. Bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông L. Khi biết bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông L cũng trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống chung bà N và ông L phát

sinh nhiều mâu thuẫn, hiện tại bà N sống ở Nhật Bản còn ông L thì sống ở Hàn Quốc, các bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cả bà N và ông L đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ.

Từ những phân tích trên thấy rằng việc bà N yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở và ông L cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Đặng Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Đặng Thị Yến N.

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Yến N được ly hôn với ông Tôn Kim L.

Về con chung: Bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L trình bày không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000904 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Đặng Thị Yến N và ông Tôn Kim L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc ủy thác hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tân Thành Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng